TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2022/HS-PT
Ngày: 07/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký viên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ L số: 530/2021/TLPT- HS ngày 03 tháng 11 năm 2021. Do có kháng nghị và kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Cao Đức Trí D (tên gọi khác: Mi), sinh năm 1976 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số X ấp Tiên Chánh, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: kinh doanh vật liệu xây dựng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H và bà Trần Thị S; vợ: Phan Thị Diễm H; con: có hai người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

2. Trần Văn Th (tên gọi khác: Bét), sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số Y, ấp Tiên Tây Thượng, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, con bà Trần Thị H; tiền án: không; tiền sự: Ngày 18/9/2019, bị Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 2170/QĐ-XPVPHC với số tiền là 3.750.000 đồng về hành vi khai thác khoáng

sản (cát sông) trái phép, (đã nộp phạt ngày 23 tháng 9 năm 2019); bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số Z, ấp Tiên Hưng, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị N; vợ: Lê Thị Mai T; con: có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

4. Võ Văn S, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số K ấp Mỹ Phú, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Lvà bà Nguyễn Thị B; vợ: Phan Thị Thúy Ng, sinh năm 1988; con: có một người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Tiên Tây Thượng, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Hồ Thị M; vợ: Nguyễn Thị Mộng H; con: có một người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

6. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1970 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số K, ấp Phú Phong, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Huỳnh Thị C (chết); vợ: Phạm Thị A; con: bị cáo có hai người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

7. Phạm Duy Kh (tên gọi khác: Vinh), sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số M ấp Tiên Hưng, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

8. Hồ Văn H (tên gọi khác: 3 lít), sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số N ấp Tiên Hưng, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ: Ngô Thị Kiều L; con: có hai người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không, bị cáo tại ngoại; (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Cao Đức Trí D: Luật sư Nguyễn Thị Sinh-Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt);

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Bà Phan Thị Diễm H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: số X, ấp Tiên Chánh, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 11 rạng sáng ngày 12/11/2019, Cục Cảnh sát giao thông phối hợp với các lực lượng của Bộ Công an tiến hành bắt giữ 04 tàu sắt có số đăng ký ghi trên Ph tiện là: BTr – 7766; BTr – 7767; BTr – 7678; BTr – 7288 đang hoạt động khai thác cát trái phép trên sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên thuộc địa phận của tỉnh Bến Tre, vụ việc được chuyển giao cho Công an tỉnh Bến Tre để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Tại thời điểm bị bắt quả tang hoạt động của các tàu thực hiện như sau:

- Trên tàu BTr – 7766 khi bắt giữ có 03 người gồm: Nguyễn Văn H quản L và lái tàu; Hồ Văn H; Võ Văn S. Khối lượng cát đo trên tàu là 19,8 m^3, bị bắt tại vị trí sông Hàm Luông thuộc địa phận xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre khi đang bơm cát qua tàu BTr – 7678 (tàu chứa), thu giữ 04 quyển tập ghi chép quá trình hoạt động trên tàu.

- Trên tàu BTr – 7767 khi bắt giữ có 04 người gồm: Đỗ Minh Th quản L và lái tàu; Nguyễn Văn Nh; Bùi Quốc Q; Phạm Văn Tr. Khối lượng cát đo trên tàu là 105,16 m^3, bị bắt tại vị trí sông Hàm Luông thuộc địa phận xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre khi đang bơm cát qua tàu BTr – 7678, thu giữ 01 quyển tập ghi chép quá trình hoạt động của tàu.

- Trên tàu BTr – 7678 khi bắt giữ có 03 người gồm: Nguyễn Ngọc Tr quản L và lái tàu; Lê Thanh Nh; Nguyễn Hoàng Đ. Khối lượng cát đo trên tàu là 253,88 m^3, bị bắt tại vị trí sông Hàm Luông thuộc địa phận xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre khi đang neo đậu cho 02 tàu là BTr – 7766 và BTr – 7767 bơm cát qua, thu giữ 03 quyển tập ghi chép quá trình hoạt động trên tàu.

- Trên tàu BTr – 7288 khi bắt giữ có 03 người gồm: Nguyễn Hữu Ph quản L và lái tàu; Huỳnh Xuân Th; Hồ Văn T. Khối lượng cát đo trên tàu là 53,03 m^3, bị bắt quả tang khi đang khai thác cát trái phép tại vị trí sông Cổ Chiên thuộc địa phận xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Tổng số người có mặt tại thời điểm bắt giữ 04 tàu là: 13 người; khối lượng cát trên 04 tàu là: 431,87 m^3.

Quá trình điều tra xác định: Cao Đức Trí D cùng vợ là Phan Thị Diễm H thành lập doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Út Sang do bà H làm chủ doanh nghiệp, địa chỉ: ấp Tiên Chánh, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Công ty có 04 Ph tiện tàu sắt và trang bị dụng cụ phục vụ cho việc khai thác cát. Mặc dù bà H đứng tên chủ doanh nghiệp nhưng Cao Đức Trí D là người giữ vai trò chính trong quá trình khai thác cát trái phép. Để quản L, vận hành và hoạt động thông suốt, D thuê Trần Văn Th là người giúp việc để theo dõi, điều hành hoạt động của các tàu khi đi khai thác cát. Đồng thời, D thuê Nguyễn Văn H quản L và điều hành mọi hoạt động trên tàu BTr-7766. Đỗ Minh Th quản L và điều hành hoạt động tàu BTr-7767, Nguyễn Hữu Ph quản L và điều hành hoạt động tàu BTr-7288 và Nguyễn Ngọc Tr chịu trách nhiệm tàu BTr-7678. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2019 đến ngày 12/11/2019, Cao Đức Trí D cùng với Trần Văn Th đã chỉ đạo và thuê các đối tượng nêu trên khai thác cát trên tuyến sông Hàm Luông và Cổ Chiên trên địa bàn huyện Châu Thành và Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Đồng thời vào đêm 11 rạng sáng 12/11/2019, Cao Đức Trí D thông qua Trần Văn Th đã chỉ đạo cho 04 tàu đi khai thác cát như thường ngày nên bị bắt quả tang. Khối lượng cát khai thác trái phép D bán lại cho người có nhu cầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre với giá từ 90.000đ đến 110.000đ/m^3. Hành vi của từng bị cáo thực hiện như sau:

- Tàu sắt số BTr – 7766 (giấy chứng nhận đăng ký BTr- 7767), D thuê Nguyễn Văn H là quản L tàu và lái tàu với giá 2.200.000đ/chuyến, H thuê thêm 06 người gồm: Hồ Văn H, Võ Văn S, Phạm Duy Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc L, Lê Xuân N với giá 550.000đ/chuyến/người đi khai thác cát cùng với H. Mỗi chuyến H sẽ phân công, đảm bảo có từ 03 – 04 người trên tàu trong một chuyến đi khai thác. H trực tiếp chấm công vào quyển tập để theo dõi số chuyến đi khai thác cát trái phép và trả tiền công cho những người này.

- Tàu BTr – 7767, (giấy chứng nhận đăng ký BTr- 7766) D thuê Đỗ Minh Th là quản L tàu và lái tàu với giá 2.600.000đ/chuyến, Th thuê thêm Nguyễn Văn N, Bùi Quốc Q, Phạm Văn Tr với giá 650.000đ/chuyến/người đi khai thác cát cùng với Th. Th theo dõi số chuyến để trả lương cho những người này.

- Tàu BTr – 7288, D thuê Nguyễn Hữu Ph là quản L tàu và lái tàu với giá 1.600.000đ/chuyến, Ph thuê thêm Huỳnh Xuân Th, Hồ Văn T với giá 500.000đ/chuyến/người đi khai thác cùng với Ph. Ph theo dõi số chuyến để trả tiền công cho những người này.

- Tàu BTr – 7678, D thuê Nguyễn Ngọc Tr là quản L tàu và lái tàu với giá 2.800.000đ/chuyến, tàu này không phải là tàu khai thác cát mà chỉ dùng để chứa cát từ 02 tàu BTr – 7766 và BTr – 7767 sau khi đi khai thác cát trái phép về bơm qua, sau đó tàu BTr – 7678 sẽ đi bơm cho người mua cát. Trọng thuê thêm Lê Thanh Nh, Nguyễn Hoàng Đ với giá 900.000đ/chuyến/người để đi bơm cát cùng với Trọng.

Kết quả điều tra các bị cáo đã khai nhận:

Cao Đức Trí D (thường gọi là Mi) khai nhận chỉ đạo cho các tàu đi khai thác cát trái phép, có khi trực tiếp chỉ đạo, nhưng đa số là thông qua Th thay mặt D điều hành. Th làm thuê cho D với công việc là phụ bán vật liệu xây dựng và chăm sóc cha của D bị bệnh với tiền công là 300.000đ/ngày. D mua cho Th 01 điện Th di động và 01 sim điện Th số 0786987570 dùng để liên lạc với các quản L tàu. D trả tiền cước điện Th cho Th. D yêu cầu Th liên hệ với các quản L tàu để kêu đi khai thác cát trái phép, sau khi khai thác đầy tàu thì Th chỉ chỗ bơm cát theo nơi mà D ký kết hợp đồng hoặc bơm qua tàu chứa BTr - 7678.

Do không có sổ sách ghi chép theo dõi cụ thể nên D không xác định được khối lượng cát đã khai thác trái phép của từng tàu là bao nhiêu. Qua xem tập chấm công của tàu BTr – 7766 thì D thừa nhận số liệu ghi trong tập là đúng. Trong thời gian từ ngày 01/9/2019 đến ngày 11/11/2019, D đã chỉ đạo cho H (thông qua Th) đi khai thác cát trái phép 113 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3, tổng khối lượng là 19.210 m^3 cát. Tuy nhiên Nguyễn Văn H người quản L tàu BTr-7766 khai nại rằng sau mỗi chuyến hút cát trái phép, về bơm lên các công trình, cũng như bơm sang qua tàu chứa BTr-7678 đều còn sót lại một lượng cát từ 05-07 m^3. Trên thực tế sau khi cát được bơm, hút dưới đáy lòng tàu luôn luôn còn một ít lượng cát nhưng không đáng kể. Tuy nhiên theo hướng có lợi cho các bị cáo nên chấp nhận lời khai của H khấu trừ mỗi chuyến là 07m^3 (113 chuyến x 7 m^3 = 791 m^3). Vậy số cát khai thác trái phép 113 chuyến là 18.419 m^3 (19.210 m^3 – 791 m^3). Đồng thời vào đêm 11 rạng sáng ngày 12/11/2019, D yêu cầu các quản L tàu đi khai thác cát như thường ngày thì bị bắt quả tang với khối lượng 431,87m^3. Tổng số cát khai thác trái phép Cao Đức Trí D phải chịu là 18.850,87 m^3 ,kết quả định giá cát 66.000đ/m^3, thành tiền 1.244.157.420 đồng.

Bị cáo Trần Văn Th (thường gọi là Bét) làm thuê cho D được khoảng 04 tháng, với tiền công 300.000đ/ngày. Th sử dụng điện Th di động số 0786987570 do D mua cho, để thay D liên lạc với 04 người quản L tàu yêu cầu khi nào được đi hút cát và khi nào phải nghỉ. Th còn thay D đưa tiền công cho các tàu. Th biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì làm thuê nên thực hiện theo lệnh. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2019 đến ngày 12/11/2019 (ngày bị bắt quả tang), Th thực hiện theo yêu cầu của D để điện Th cho H đi khai thác cát

113 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3. Tổng số cát Th đã cùng với D chỉ đạo khai thác trái phép là 18.850,87 m^3, giá 66.000đ/m^3 thành tiền là 1.244.157.420 đồng. Ngoài ra vào ngày 18/9/2019, Th đã bị UBND huyện Chợ Lách phạt vi phạm hành chính số tiền 3.750.000 đồng về hành vi khai thác cát trái phép.

Bị cáo Nguyễn Văn H khai: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2019 đến ngày 12/11/2019, H đã trực tiếp đi khai thác cát là 97 chuyến, còn lại 16 chuyến mặc dù H không trực tiếp đi trên tàu, nhưng H trực tiếp nhận lệnh từ Th để sắp xếp chỉ đạo cho những người trên tàu đi khai thác nên khối lượng cát khai thác trái phép của H là 113 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3; tổng số cát khai thác là 19.229,8 m^3 (trong đó có 19,8 m^3 bị bắt quả tang), được khấu trừ 791 m^3 còn lại tổng số lượng cát H khai thác trái phép là 18.438,8 m^3 thành tiền 1.216.960.800 đồng.

Bị cáo Võ Văn S khai được H thuê đi khai thác cát với giá 550.000đ/chuyến. Trên tàu này ngoài H và Sự thì còn có Lê Xuân N, Nguyễn Văn T, Hồ Văn H, Nguyễn Ngọc L, Phạm Duy Kh, các hoạt động trên tàu như khi nào xuất phát đi, khi nào hút, theo dõi chấm công, trả tiền công là do H sắp xếp thực hiện. Trong khoảng thời gian từ 01/9/2019 đến 12/11/2019, Sự đã tham gia trực tiếp đi 72 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3, số cát khai thác là 12.259,8 m^3 (trong đó có 19,8 m^3 bị bắt quả tang), được khấu trừ 504 m^3, tổng số lượng cát Sự tham gia khai thác trái phép là 11.755,8 m^3 thành tiền là 775.882.800 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T khai được H thuê đi khai thác cát với giá 550.000đ/chuyến. Trên tàu này ngoài H và T thì còn có Lê Xuân N, Hồ Văn H, Nguyễn Ngọc L, Phạm Duy Kh, Võ Văn S. Mọi hoạt động trên tàu là do H sắp xếp. H có chấm công vào quyển tập để theo dõi số chuyến đi khai thác cát của từng người. T chỉ thực hiện việc khai thác cát theo lệnh của H và nhận tiền công theo số chuyến đã đi. Trong khoảng thời gian từ 01/9/2019 đến 11/11/2019 thì tàu BTr – 7766 không có lần nào đi mua cát. Trong các chuyến đi khai thác cát trái phép thì T đã tham gia trực tiếp 66 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3, số cát khai thác là 11.220 m^3 được khấu trừ 462 m^3. Tổng số cát T tham gia khai thác trái phép là 10,758 m^3 thành tiền là 710.028.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L khai được H thuê đi khai thác cát trái phép với giá 550.000đ/chuyến. Trên tàu này ngoài H và L thì còn có Lê Xuân N, Nguyễn Văn T, Hồ Văn H, Phạm Duy Kh, Võ Văn S. Việc sắp xếp người nào đi khai thác cát trong ngày là do H sắp xếp. H có chấm công vào quyển tập để theo dõi số chuyến đi khai thác cát của từng người. L chỉ thực hiện việc khai thác cát theo lệnh của H và nhận tiền công theo số chuyến đã đi. Trong khoảng thời gian từ 01/9/2019 đến 11/11/2019 thì tàu BTr – 7766 không có lần nào đi mua cát. Trong các chuyến đi khai thác cát thì L đã tham gia trực tiếp 60 chuyến, mỗi

chuyến 170 m^3, số cát khai thác là 10.200 m^3 được khấu trừ 420 m^3 Tổng số cát L tham gia khai thác cát trái phép là 9.780 m^3 thành tiền 645.480.000 đồng.

Bị cáo Phạm Duy Kh khai được H thuê đi khai thác cát trái phép với giá 550.000đ/chuyến. Trên tàu ngoài H và Khanh thì còn có Lê Xuân N, Nguyễn Văn T, Hồ Văn H, Nguyễn Ngọc L, Võ Văn S. Mọi hoạt động trên tàu do H sắp xếp. H có chấm công vào quyển tập để theo dõi số chuyến đi khai thác cát của từng người. Bản thân Khanh chỉ thực hiện việc khai thác cát theo lệnh của H và nhận tiền công do H trả. Trong khoảng thời gian từ 01/9/2019 đến 11/11/2019 thì tàu BTr – 7766 không có lần nào đi mua cát. Trong các chuyến đi khai thác cát thì Khanh tham gia trực tiếp 59 chuyến, mỗi chuyến 170 m^3, số cát khai thác là 10.030 m^3, được khấu trừ 413 m^3. Tổng số cát Khanh tham gia khai thác cát trái phép là 9.617 m^3 thành tiền 634.722.000 đồng.

Bị cáo Hồ Văn H khai được H thuê đi khai thác cát trái phép với giá 550.000đ/chuyến trên tàu BTr – 7766. Trên tàu này ngoài H và H thì còn có Lê Xuân N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc L, Phạm Duy Kh, Võ Văn S. Mọi hoạt động trên tàu là do H sắp xếp. H chỉ thực hiện việc khai thác cát theo lệnh của H và nhận tiền công theo số chuyến đã đi. Trong khoảng thời gian từ 01/9/2019 đến 12/11/2019, không có lần nào đi mua cát. H đã tham gia trực tiếp 53 chuyến, số cát khai thác là 9.029.8 m^3. (trong đó có 19,8 m^3 bị bắt quả tang) được khấu trừ 371 m^3. Tổng số lượng cát khai thác trái phép của H là 8.658,8 m^3, thành tiền là 571.480.800đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu Ph khai: Đêm 11 rạng 12/11/2019, khi đang điều khiển tàu BTr-7288 thực hiện hành vi khai thác cát theo chỉ đạo của Th thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, khối lượng cát khai thác là 53,03 m^3 thành tiền 3.499.980 đồng. Ngoài ra vào ngày 01/01/2019, Ph đã bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000đ theo QĐ số: 2320/QĐ-VPHC về hành vi khai thác cát trái phép, Ph đã chấp hành xong không có khiếu nại.

Bị cáo Bùi Quốc Q khai là người làm thuê cho Đỗ Minh Th trên tàu BTr – 7767 với giá 650.000đ/chuyến. Ngày 11/11/2019, Th điện cho Q cùng đi khai thác cát trái phép, Q đồng ý. Khoảng 22 giờ, Th cùng với Q, N, Trung tiến hành khai thác cát từ lòng sông lên khoang chứa của tàu. Khai thác khoảng 02 – 03 tiếng thì đầy tàu, Th điều khiển tàu đến bơm cát qua tàu chứa BTr – 7678, đang thực hiện bơm thì bị bắt khi trong khoang tàu BTr-7767 còn 105,16 m^3, thành tiền 6.940.560 đồng. Trước đó ngày 22/4/2019 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2562/QĐ-XPVPHC xử phạt Q số tiền 20.000.000đ về hành vi Khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép, cùng ngày Q đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Vật chứng thu giữ:

Tạm giữ 01 phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr-7766 (số đăng kiểm là tàu BTr-7767) trọng tải toàn phần 270 tấn; kích thước chiều dài 32,23m, chiều ngang rộng nhất 6,60m, nơi sâu nhất 3m. 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất. 02 máy bơm, hút cát nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu. 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 5m, đường kính 0,09m) nối với 02 ống sắt (dài 3,2m, đường kính 0,22m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 18m, đường kính 0,22m). 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu. 02 ống cao su màu đen, dài 1,3m, đường kính 0,2m và 02 ống nhựa màu xanh dài 4,3m, đường kính 0,2m nối với 02 máy hút để thổi cát vào khoang chứa cát của tàu. 01 ống nhựa màu xanh dài 11,5m, đường kính 0,168m nối với máy hút để hút cát trong khoang chứa. 01 đầu còn lại của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen, dài 5,2m, đường kính 0,168m, 01 đầu còn lại của ống cao su này nối với máy hút. 01 ống cao su màu đen, dài 10,5m, đường kính 0,168m nối với máy hút để thổi cát lên bờ. 02 (hai) máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu, công suất. Tàu đã nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bến Tre. Ngày 15/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bến Tre giao cho bà Phan Thị Diễm H quản L.

Đồng thời có thu giữ trên tàu 01 quyển sổ ghi chép, kích thước 20x15cm, ngoài bìa góc trái có chữ "Công ty Quyết Tâm", 07 trang có chữ. 01 quyển sổ ghi chép kích thước 20x15cm, ngoài bìa góc trái có chữ "Điểm 10" hiệu Thiên Long, 08 trang có chữ. 01 quyển sổ ghi chép kích thước 20x15cm, ngoài bìa góc trái có chữ "Cty Tiến Phát", có ghi chữ sổ bến phà, 12 trang có chữ. 01 quyển sổ ghi chép kích thước 20x15cm, ngoài bìa góc trái có chữ "Công ty Quyết Tâm", 09 trang có chữ.

Tạm giữ 01 phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr – 7767 (sổ đăng kiểm là tàu BTr-7766), tải trọng toàn phần 330 tấn; kích thước chiều dài 33,47m, chiều ngang rộng nhất 6,92m, nơi sâu nhất 2,9m. 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất. 02 máy bơm, hút cát (01 máy nhãn hiệu CUMMINS và 01 máy không rõ nhãn hiệu, số hiệu công suất). 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 6,1m, đường kính 0,08m) nối với 02 ống sắt (dài 2,3m, đường kính 0,22m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 18m, đường kính 0,2m). 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu. 01 ống cao su màu đen, dài 9,6m, đường kính 0,16m nối với máy hút để thổi cát lên bờ. 01 máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu công suất. Tàu BTr – 7767 đã nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành

án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bến Tre. Ngày 09/3/2020 đã giao cho bà Phan Thị Diễm H quản L.

Tạm giữ 01 phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr - 7678, tải trọng toàn phần 495 tấn; kích thước chiều dài 43,76m, chiều ngang rộng nhất 8,42m, chiều sâu nhất 2,61m. 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS. 01 máy nổ nhãn hiệu CM11, không rõ số hiệu, công suất. 01 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 01 ống hút trong khoang chứa (dài 20m, đường kính 0,2m, màu đen) nối với đầu bơm. 01 ống thổi cát ra ngoài khoang chứa (nối từ đầu bơm, dài 06m, màu đen, đường kính 0,168m, tiếp tục nối với ống nhựa dài 4m, màu đen, đường kính 0,2m). 01 hệ thống bơm nước gồm: 01 máy nổ nhãn hiệu CM11 không rõ số hiệu, công suất. Ống nhựa trước và sau đầu bơm dài 20m. Tàu BTr – 7678 đã nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bến Tre. Ngày 18/6/2020 giao cho bà Phan Thị Diễm H quản L.

Tạm giữ 01 phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr - 7288, tải trọng toàn phần 490 tấn; kích thước chiều dài 43,87m, chiều ngang rộng nhất 8,24m, nơi sâu nhất 2,6m. 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất. 02 máy bơm, hút cát nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất. 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 5m, đường kính 0,09m) nối với 02 ống sắt (dài 3,2m, đường kính 0,25m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 36m, đường kính 0,25m). 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu. 01 ống cao su màu đen dài 4m, đường kính 0,25m và 01 ống cao su màu đen dài 4,3m, đường kính 0,25m nối với 02 máy hút để thổi cát vào khoang chứa cát của tàu. 01 ống cao su màu đen dài 9,6m đường kính 0,168m nối với máy hút để thổi cát lên bờ. 01 ống sắt dài 8,8m, đường kính 0,168m, 01 đầu của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen, dài 5,2m, đường kính 0,168m để hút cát trong khoang chứa. 01 đầu còn lại của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen dài 5,2m, đường kính 0,168m, đầu còn lại nối với máy hút. 01 máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu công suất. Tàu BTr – 7288 đã nhập kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bến Tre.

Về chụp ảnh và đo đạc Phương tiện vi phạm:

Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre đã tiến hành đo đạc, chụp ảnh toàn bộ máy móc, thiết bị hệ thống bơm hút cát lắp đặt trên 04 tàu thể hiện trong hồ sơ. Riêng 04 giấy chứng nhận đăng ký của 04 tàu đã chuyển Cục Thi hành án dân sự .

Ngày 08/6/2020, Chi cục đăng kiểm tỉnh Bến Tre có Công văn số 107/CCBT xác định khoang chứa của 04 Phương tiện: tàu BTr-7766 chứa

176,23 m^3; tàu BTr-7767 chứa 222,88 m^3; tàu BTr-7678 chứa 393,12 m^3 và tàu BTr-7288 chứa 369,36 m^3. Tuy nhiên các bị cáo đi khai thác trên tàu BTr-7766 chỉ thừa nhận một chuyến khai thác được 170 m^3; nên áp dụng theo hướng có lợi cho các bị cáo.

Tạm giữ 01 điện Th di động màu đen, ghi chữ ITEL, số sim 0942453739, số Imei 356171087776984, được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Nguyễn Hữu Ph.

Tạm giữ cát sông khối lượng 431,87 m^3 được gửi tại hầm cát của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nắng Nhiệt Đới; địa chỉ ấp Mỹ An B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo Cao Đức Trí D nộp 1.000.000.000 đồng số tiền thu lợi bất chính từ việc bán cát khai thác trái phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre ban hành Lệnh nhập kho vật chứng số 73 ngày 21/11/2019 nhập vào tài khoản Kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Bến Tre.

Trong 04 quyển tập thu giữ trên tàu do H quản L, trong đó có 01 quyển hiệu Thiên Long, bên góc trái có chữ "điểm 10" có 08 trang viết chữ; bị cáo H khai nhận là sổ theo dõi chấm công để trả lương cho từng người đi khai thác cát; đồng thời cũng là thể hiện số chuyến từng người tham gia. Qua điều tra 06 bị cáo gồm: H, T, L, H, Sự, Khanh và nhân chứng Lê Xuân N đều thừa nhận. Ngày 09/6/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có kết luận giám định chữ viết trong quyển tập có đặc điểm trên là của Nguyễn Văn H.

Ngày 23/3/2020, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre kết luận giám định cát sông mà các bị cáo đã khai thác trái phép là khoáng sản.

Ngày 03/11/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định 01 m^3 cát thời điểm từ 01/9/2019 đến 12/11/2019 có giá 66.000 đồng.

Kết quả xác nhận của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre vào thời điểm từ 01/9/2019 đến 12/11/2019 trên địa bàn tỉnh Bến Tre không có mỏ cát nào hoạt động; đồng thời trong hồ sơ cấp phép không có cấp phép khai thác cát cho các bị cáo có tên trên.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-P1 ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố: Cao Đức Trí D về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự; Trần Văn Th, Nguyễn Văn H về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự; Võ Văn S, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L, Hồ Văn H, Nguyễn Văn T về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài

nguyên" theo điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hữu Ph, Bùi Quốc Q về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tòa án tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Đức Trí D, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Võ Văn S, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L, Hồ Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Ph, Bùi Quốc Q phạm tội " vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

1.1. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Cao Đức Trí D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Văn S 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Duy Kh 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hồ Văn H 07 (bảy) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.9. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ph 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.10. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Quốc Q 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau đây nộp tiền thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước:

- Cao Đức Trí D nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính số tiền là 1.617.710.000 (một tỷ, sáu trăm, mười bảy triệu, bảy trăm, mười nghìn) đồng, nhưng được trừ số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng bị cáo đã nộp trước, hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản L theo biên lai thu tiền số 0011256 ngày 03/3/2021. Số tiền còn lại buộc Cao Đức Trí D phải tiếp tục nộp là 617.710.000 đồng (sáu trăm, mười bảy triệu, bảy trăm, mười nghìn đồng).

- Nguyễn Văn H nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 10.000.000 (mười triệu) đồng;

- Nguyễn Văn T nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Phạm Duy Kh nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Nguyễn Ngọc L nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Võ Văn S nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Hồ Văn H nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 6.000.000 (sáu triệu) đồng;

- Lê Xuân N nộp sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện Th di động màu đen, ghi chữ ITEL, số sim 0942453739, số Imei 356171087776984, được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Nguyễn Hữu Ph;

2.3. Đối với tàu sắt biển kiểm soát BTr – 7288:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 50% giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Cao Đức Trí D đối với tang vật gồm: 01 Phương tiện thủy (tàu sắt) biển kiểm soát BTr - 7288, tải trọng khoảng 490 tấn (lượng hàng 495 tấn, trọng tải toàn phần 498 tấn theo xác định của Chi cục đăng kiểm tỉnh Bến Tre); kích thước chiều dài 43,5m, chiều ngang rộng nhất 8,1m, nơi sâu nhất 3,5m; 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất; 02 máy bơm, hút cát nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất; 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 5m, đường kính 0,09m) nối với 02 ống sắt (dài 3,2m, đường kính 0,25m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 36m, đường kính 0,25m); 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu; 01 ống cao su màu đen dài 4m, đường kính 0,25m và 01 ống cao su màu đen dài 4,3m, đường kính 0,25m nối với 02 máy hút để thổi cát vào khoang chứa của tàu; 01 ống cao su màu đen dài 9,6m đường kính 0,168m nối với máy hút để thổi cát lên bờ; 01 ống sắt dài 8,8m, đường kính 0,168m, 01 đầu của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen, dài 5,2m, đường kính 0,168m để hút cát trong khoang chứa. 01 đầu còn lại của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen dài 5,2m, đường kính 0,168m, đầu còn lại nối với máy hút; 01 máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu công suất; Cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7268/ĐK do Sở Giao Thông Vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho ông Võ Văn Tiếng, địa chỉ số 115 Tân Hậu 2, Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Số đăng ký tàu BTr-7288.

- Trả lại cho bà Phan Thị Diễm H 50% giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H đối với tàu sắt biển kiểm soát BTr-7288 và toàn bộ hệ thống bơm hút cát trên tàu (nêu trên).

2.4. Tịch thu để trả về môi trường lòng sông đối với 04 (bốn) mẫu cát sông đựng trong túi nylon, được dán giấy niêm phong của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre có ký hiệu BTr-7678, BTr-7766, BTr-7767, BTr-7288.

2.5. Tịch thu để trả trở về môi trường lòng sông 431,87 m^3 cát sông do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre gửi giữ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nắng nhiệt đới; địa chỉ: ấp Mỹ An B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

(Các tài sản nêu trên hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản L theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2021 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre);

2.6. Đối với Phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr-7766:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 50% giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Cao Đức Trí D đối với tang vật gồm: 01 Phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr-7766 (quá trình kiểm tra xác định số đăng kiểm là tàu BTr -7767), tải trọng khoảng 220 tấn, (lượng hàng 270 tấn, trọng tải toàn phần 274 tấn theo xác định của Chi cục đăng kiểm tỉnh Bến Tre) (đã qua sử dụng); kích thước chiều dài 32m, chiều ngang rộng nhất 6,5m, nơi sâu nhất 3m; 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất (đã qua sử dụng); 02 máy bơm, hút cát nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất (đã qua sử dụng); 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 5m, đường kính 0,09m) nối với 02 ống sắt (dài 3,2m, đường kính 0,22m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 18m, đường kính 0,22m); 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu; 02 ống cao su màu đen, dài 1,3m, đường kính 0,2m và 02 ống nhựa màu xanh dài 4,3m, đường kính 0,2m nối với 02 máy hút để thổi cát vào khoang chứa cát của tàu; 01 ống nhựa màu xanh dài 11,5m, đường kính 0,168m nối với máy hút để hút cát trong khoang chứa. 01 đầu còn lại của ống sắt nối với 01 ống cao su màu đen, dài 5,2m, đường kính 0,168m, 01 đầu còn lại của ống cao su này nối với máy hút; 01 ống cao su màu đen, dài 10,5m, đường kính 0,168m nối với máy hút để thổi cát lên bờ; 02 (hai) máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu, công suất (đã qua sử dụng). Số đăng kiểm của tàu là BTr-7767, tàu thuộc sở hữu của Doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Út Sang theo giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7747/ĐK ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Sở giao thông vận tải tỉnh Bến Tre; Tài sản hiện do bà Phan Thị Diễm H quản L theo Quyết định xử L vật chứng số: 08 ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre và Biên bản về việc tạm giao đồ vật, tài liệu để bảo quản chờ kết quả xử L giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với bà Phan Thị Diễm H ngày 15/4/2020. Cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7747/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Út Sang, địa chỉ số X Tiên Chánh, Tiên Long, Châu Thành, Bến Tre. Số đăng ký tàu BTr-7767. (Giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7747/ĐK hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

- Trả lại cho bà Phan Thị Diễm H 50% giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H đối với tàu sắt biển kiểm soát BTr-7766 và hệ thống bơm hút cát trên tàu (nêu trên).

2.7. Đối với tàu sắt biển kiểm soát BTr – 7767:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 50% giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Cao Đức Trí D đối với tang vật gồm: 01 Phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr – 7767 **(**quá trình kiểm tra xác định số đăng kiểm là tàu này là BTr -7766), tải trọng khoảng 274 tấn (lượng hàng 330 tấn, trọng tải toàn phần 334 tấn theo xác định của Chi cục đăng kiểm tỉnh Bến Tre) (đã qua sử dụng); kích thước chiều dài 33,6m, chiều ngang rộng nhất 6,7m, nơi sâu nhất 2,9m; 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất (đã qua sử dụng); 02 máy bơm, hút cát (01 máy nhãn hiệu CUMMINS và 01 máy không rõ nhãn hiệu), không rõ số hiệu công suất (đã qua sử dụng)); 02 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 02 ống sắt (dài 6,1m, đường kính 0,08m) nối với 02 ống sắt (dài 2,3m, đường kính 0,22m) tiếp tục nối với 02 ống cao su màu đen (mỗi ống dài 18m, đường kính 0,2m). 02 ống cao su màu đen nối vào 02 máy hút để hút cát từ lòng sông lên tàu; 01 ống cao su màu đen, dài 9,6m, đường kính 0,16m nối với máy hút để thổi cát lên bờ; 01 máy dùng để kéo ống hút cát, không rõ nhãn hiệu công suất (đã qua sử dụng); Số đăng kiểm của tàu này là BTr-7766, thuộc sở hữu của bị cáo Cao Đức Trí D theo giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7746/ĐK ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Sở giao thông vận tải tỉnh Bến Tre; Các tài sản này hiện do bà Phan Thị Diễm H quản L theo Quyết định xử L vật chứng số: 05 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre và Biên bản về việc tạm giao đồ vật, tài liệu để bảo quản chờ kết quả xử L ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với bà Phan Thị Diễm H. Cùng giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7746/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Cao Đức Trí D, địa chỉ số X Tiên Chánh, Tiên Long, Châu Thành, Bến Tre. Số đăng ký tàu là BTr-7766 (Giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7746/ĐK hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre);

- Trả lại cho bà Phan Thị Diễm H 50% giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H đối với tàu sắt BTr – 7767 và hệ thống bơm hút cát trên tàu (nêu trên);

2.8. Đối với Phương tiện thủy (tàu sắt) biển kiểm soát BTr – 7678:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 50% giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Cao Đức Trí D đối với tang vật gồm: 01 Phương tiện thủy (tàu sắt), biển kiểm soát BTr - 7678, tải trọng khoảng 495 tấn (trọng tải toàn phần 498,88 tấn theo xác định của Chi cục đăng kiểm tỉnh Bến Tre) (đã qua sử dụng); kích thước chiều dài 43,76m, chiều ngang rộng nhất 8,42m, chiều sâu nhất 2,61m; 01 máy chính nhãn hiệu CUMMINS NTC350, kiểu 11555289 (đã qua sử dụng);

01 máy nổ nhãn hiệu CM11, không rõ số hiệu, công suất (đã qua sử dụng); 01 bộ hệ thống bơm hút cát gồm: 01 ống hút trong khoang chứa (dài 20m, đường kính 0,2m, màu đen) nối với đầu bơm. 01 ống thổi cát ra ngoài khoang chứa (nối từ đầu bơm, dài 06m, màu đen, đường kính 0,168m, tiếp tục nối với ống nhựa dài 4m, màu đen, đường kính 0,2m); 01 hệ thống bơm nước gồm: 01 máy nổ nhãn hiệu CM11 không rõ số hiệu, công suất. Ống nhựa trước và sau đầu bơm dài 20m. Tàu do bà Phan Thị Diễm H mua lại của ông Phạm Văn Toàn và bà Hồ Thị Mộng Dung theo Hợp đồng mua bán đã công chứng ngày 06/8/2019. Tài sản hiện do bà Phan Thị Diễm H quản L theo Quyết định xử L vật chứng số: 16 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre và Biên bản về việc tạm giao đồ vật, tài liệu để bảo quản chờ kết quả xử L ngày 18/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với bà Phan Thị Diễm H. Cùng giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7658/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Phạm Văn Toàn, địa chỉ Tân Hậu 2, Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (Giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7658/ĐK hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre);

- Trả lại cho bà Phan Thị Diễm H 50% giá trị tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H đối với tàu sắt biển kiểm soát BTr – 7678 và hệ thống bơm hút cát trên tàu (nêu trên);

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSBT-P1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre: tăng hình phạt đối với các bị cáo Cao Đức Trí D và Trần Văn Th; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự 16 lần đi khai thác cát trái phép, khối lượng cát là 2.608m^3, trị giá 171.128.000 đồng với vai trò là người giúp sức; tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ 04 tàu sắt mang số đăng ký BTr-7766; BTr-7767; BTr-7678; BTr- 7288 và các máy móc, dụng cụ bom hút cát được trang bị trên tàu mà bị cáo Cao Đức Trí D sử dụng làm công cụ, Phương tiện phạm tội.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, các bị cáo Cao Đức Trí D, Nguyễn Văn H, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T, Võ Văn S, Hồ Văn H, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc áp dụng phạt tiền là hình phạt chính; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Diễm H kháng cáo yêu cầu Tòa

án cấp phúc thẩm trả lại cho bà hai tàu sắt BTr-7767 và BTr- 7678.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát rút phần kháng nghị đối với nội dung đề nghị tịch thu 04 con tàu là Phương tiện phạm tội do cấp sơ thẩm xử L vấn đề này phù hợp luật định, đề nghị giữ nguyên phần xử L vật chứng của cấp sơ thẩm.

Giữ nguyên nội dung kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Cao Đức Trí D vì bị cáo giữ vai trò chủ mưu, tích cực, ngoài ra còn có tình tiết tăng nặng là xúi giục trẻ vị thành niên phạm tội. Cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 2 năm 3 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt lên 4 đến 5 năm tù.

Đối với bị cáo Th là người giúp sức tích cực, đề nghị tăng mức hình phạt từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Ngoài ra về mặt nội dung, hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thừa nhận ngoài những lần khai thác cát bị xử L tại cấp sơ thẩm, bị cáo còn tham gia cùng các bị cáo trong vụ án (vai trò điện Th liên lạc, giúp sức) trong 16 lần khác với khối lượng cát khai thác trái phép là 2.068m3 trị giá là 171.128.000đ cần buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự đối với số lượng này, tuy nhiên mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo H là phù hợp, do đó Viện kiểm sát không kháng nghị về mức hình phạt đối với bị cáo H.

Đối với kháng cáo của các bị cáo về việc xin được hưởng án treo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ: Xét hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến sự quản L của nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, thu lợi bất chính lớn, tình hình vi phạm về khai thắc tài nguyên ở các địa Ph ngày càng phức tạp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để răn đe phòng ngừa chung.

- Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc áp dụng phạt tiền là hình phạt chính.

Luật sư của bị cáo D trình bày lời bào chữa: Bị cáo D phạm tội lần đầu, việc bị cáo xúi giục bị cáo Th là trẻ vị thành niên phạm tội là không cố ý do bị cáo Th là người giúp việc trong nhà bị cáo D đã lâu và làm các loại việc do D giao do đó bị cáo D không có ý thức về hành vi xúi giục, bị cáo D có nhân thân tốt giúp đỡ chính quyền và tham gia tích cực làm từ thiện trong đại dịch covid được chính quyền T giấy khen, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt không cần cách ly khỏi xã hội.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - bà Phan Thị Diễm H trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà. Hoàn trả lại cho bà 02 con tàu sắt mang biển số 7677 và 7768 là tài sản riêng của bà góp vào công ty, khi bị cáo D dùng vào việc phạm tội bà không hề biết, hai vợ chồng bà chi tiêu riêng hai bên không liên quan về thu nhập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc áp dụng phạt tiền là hình phạt chính:

[2.1]. Các bị cáo xác định có thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng, kết luận điều tra, bản án sơ thẩm đã nêu và bị quy kết tội danh " Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" là đúng người đúng tội.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[2.2.1]. Đối với bị cáo Cao Đức Trí D:

*Về mức độ hậu quả của hành vi phạm tội:

Bị cáo Cao Đức Trí D phạm tội với tình tiết định khung "*Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản khác 500.000.000 đồng trở lên"* và "*Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên*" theo điểm a và b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo D yêu cầu Trần Văn Th thay D liên lạc với các quản L tàu để đi hút cát trái phép, trong khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội Th chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo D phạm vào tình tiết tăng nặng "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" theo quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D được Chủ tịch Uỷ Ban nhân dân tỉnh Bến Tre T Bằng khen vì đã lập thành tích ủng hộ vật chất cho công tác phòng, chống dịch nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo D được Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Điện Phước, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cấp chứng nhận Tấm Lòng Vàng do đã hỗ trợ nhân dân tại địa Ph trong dịch bệnh; Công an tỉnh Bến Tre T giấy khen do đã có thành tích trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Mẹ của bị cáo D được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre T Bằng khen vì có thành xuất sắc trong lao động sản xuất góp phần phát triển kinh tế xã hội; Ban Chấp hành Hội Khuyến học tỉnh Bến Tre T giấy khen vì đã có thành tích tốt trong công tác khuyến học, khuyến tài và ba Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã Tiên Long và huyện Châu Thành vì đã đóng góp cho quỹ khuyến học và gia đình văn hóa tiêu biểu, xây dựng giao thông nông thôn. Vợ bị cáo D được chính quyền địa Ph và

Cục thuế tỉnh T nhiều giấy khen do có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới, thực hiện chính sách pháp luật thuế, gương mẫu trong phong trào khởi nghiệp, ủng hộ quỹ học bổng; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre T Bằng khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đại biểu hội đồng nhân dân xã Tiên Long, bị cáo tự nguyện nộp 1.000.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo D được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2.2]. Đối với các bị cáo đồng phạm:

*Về mức độ hậu quả của hành vi phạm tội:

- Bị cáo Trần Văn Th và Nguyễn Văn H phạm tội với tình tiết định khung "*Khoáng sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên*" theo điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Th đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo D, thực hiện theo yêu cầu của bị cáo D, chỉ đạo các quản L tàu thực hiện hành vi khai thác cát trái phép trị giá là 1.244.157.420 đồng. Bị cáo Th khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để lượng hình.

Bị cáo H đồng phạm với bị cáo D. Bị cáo H đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo D (thông qua bị cáo Th) khai thác cát trái phép với trị giá là 1.044.832.800 đồng.

- Bị cáo Võ Văn S, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L, Hồ Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội với tình tiết định khung *"Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng"* theo điểm b Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Sự đồng phạm với bị cáo H với vai trò là người thực hành, bị cáo Sự thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã khai cát trái phép có trị giá là 775.882.800 đồng.

Bị cáo Khanh đồng phạm với bị cáo H với vai trò là người thực hành, bị cáo Khanh thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã khai cát trái phép có trị giá là 634.722.000 đồng.

Bị cáo L đồng phạm với bị cáo H với vai trò là người thực hành, bị cáo L thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã khai cát trái phép có trị giá là 645.480.000 đồng.

Bị cáo H đồng phạm với bị cáo H với vai trò là người thực hành, bị cáo H thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã khai cát trái phép có trị giá là 571.480.800 đồng.

Bị cáo T đồng phạm với bị cáo H với vai trò là người thực hành, bị cáo T thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã khai cát trái phép có trị giá là 710.028.000 đồng.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo H, Sự được chính quyền địa Ph xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo H, Th, Sự, Khanh, L, H, T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo: Sự, Khanh, L, H, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin hưởng hình phạt tù treo hoặc phạt tiền là không có cơ sở để chấp nhận bởi các bị cáo vì mục đích thu lợi bất chính mà cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản L của Nhà nước về tài nguyên và môi trường. Việc khai thác cát không đúng quy định sẽ gây sói mòn sạt lỡ đất, gây mất an toàn... làm cạn kiệt nguồn tài nguyên quốc gia, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái. Do đó các bị cáo phải bị xử hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tính nghiêm trong giáo dục và phòng ngừa tội phạm về xâm phạm tài nguyên Quốc gia.

[3]. Xét kháng cáo yêu cầu được trả lại hai tàu sắt BTr-**7767** và BTr- **7678** của bà Phan Thị Diễm H:

Đối với 04 tàu sắt BTr-7766; BTr-7767; BTr-7678; BTr -7288 kèm theo các giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7746/ĐK ngày 29/01/2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Cao Đức Trí D, số đăng ký BTr-7766; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7747/ĐK ngày 30/01/2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Út Sang, số đăng ký BTr-7767; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7268/ĐK ngày 22/3/2016 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Võ Văn Tiếng, số đăng ký BTr – 7288; 01 Giấy chứng nhận đăng ký Phương tiện thủy nội địa số 7658/ĐK ngày 17/6/2019 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp cho Phạm Văn Toàn, số đăng ký BTr – 7678. Tại hồ sơ vụ án thể hiện đây là phương tiện thuộc sở hữu chung của hai vợ chồng bị cáo mà bị cáo D sử dụng để khai thác cát trái phép trong một thời gian dài, mặc dù bà H (vợ bị cáo) không biết, tuy nhiên bà H tự nguyện giao cho bị cáo quản L sử dụng, tiền thu lợi bất chính dùng chi tiêu cho gia đình, xét đây là tài sản dùng làm phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà

nước là đúng quy định pháp luật; kháng cáo của bà H không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét kháng nghị số 01/QĐ-VKSBT-P1 ngày 07/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

[4.1]. Về đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Cao Đức Trí D và Trần Văn Th.

Như Hội đồng xét xử đã nhận định tại mục [2.2.1] và [2.2.2] thì mức hình phạt đối với bị cáo D 02 năm 03 tháng tù và bị cáo Th 01 năm 03 tháng tù là phù hợp nên không chấp nhận nội dung kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát.

[4.2]. Về đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự 16 lần đi khai thác cát trái phép, khối lượng cát là 2.608m^3, trị giá 171.128.000 đồng với vai trò là người giúp sức.

Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 12 tháng 11 năm 2019, trên tàu BTr-7766, bị cáo H thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo D (thông qua bị cáo Th) đã trực tiếp khai thác cát trái phép. Cụ thể, từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 11 tháng 11 năm 2019, H đã trực tiếp đi khai thác trái phép 97 chuyến. Đối với 16 chuyến H không trực tiếp đi khai thác cát trên tàu, tuy nhiên tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H thừa nhận có dùng điện Th liên hệ với các bị cáo khác để điều động hỗ trợ việc khai thác cát trái phép. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm đối với 16 chuyến khai thác cát trái phép này với khối lượng cát khai thác là 2.068m3 trị giá là 171.128.000 đ. Nội dung kháng nghị đối với vấn đề nêu trên là có cơ sở. Tuy nhiên, Viện kiểm sát không kháng nghị về mức hình phạt đối với bị cáo H nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.3]. Tại quyết định kháng nghị có nội dung đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ 04 tàu sắt mang số đăng ký BTr-7766; BTr-7767; BTr-7678; BTr-7288 và các máy móc, dụng cụ bơm hút cát được trang bị trên tàu mà bị cáo Cao Đức Trí D sử dụng làm công cụ, Phương tiện phạm tội. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút nội dung kháng nghị nói trên và cho rằng cấp sơ thẩm xử L Phương tiện phạm tội là có cơ sở, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên đối với việc xử L Phương tiện phạm tội của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 04 tàu sắt mang số đăng ký BTr-7766, BTr-7767, BTr- 7678, BTr-7288 mà Cao Đức Trí D sử dụng làm Phương tiện phạm tội là tài sản chung của bị cáo D và vợ và Phan Thị Diễm H theo quy định của pháp luật. Như đã nhận định ở phần xét kháng cáo của bà H nói trên, bị cáo và bà Phan Thị Diễm H cho rằng việc bị cáo sử dụng làm Phương tiện phạm tội bà H hoàn toàn không biết

nhưng các tàu này bà H đã giao cho bị cáo D quản L và toàn quyền sử dụng nên D là người quản L hợp pháp đối với các tàu sắt này. Bị cáo đã sử dụng 04 tàu sắt làm công cụ Phương tiện để hút cát trái phép trong thời gian dài. Mặt khác, tiền thu lợi bất chính từ việc bán cát bị cáo sử dụng vào việc chi tiêu chung trong gia đình (nguồn kinh tế của gia đình chủ yếu do bị cáo cung cấp). Vì vậy, 04 tàu sắt và toàn bộ máy móc, dụng cụ bơm hút cát được trang bị trên tàu mà bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội cần phải tịch thu toàn bộ để sung quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ tịch thu 50% giá trị các con tàu thuộc sở hữu của bị cáo D và hoàn trả lại cho bà H 50% giá trị các con tàu thuộc sở hữu của bà H là không phù hợp luật định, do đó cần kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao hủy phần xử L Phương tiện phạm tội là 4 con tàu kể trên của bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng tịch thu toàn bộ Phương tiện phạm tội.

[5]. Các nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo, bà H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Đức Trí D, Nguyễn Văn H, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T, Võ Văn S, Hồ Văn H, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Diễm H.

Chấp nhận 1 phần Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSBT-P1 ngày 07/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn H;

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đình chỉ giải quyết đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát về việc yêu cầu tịch thu toàn bộ Phương tiện phạm tội là 04 con tàu sắt mang số đăng ký BTr-7766, BTr-7767, BTr- 7678, BTr-7288 của vợ chồng bị cáo Cao Đức Trí D và bà Phan Thị Diễm H.

- Kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét hủy phần xử lý phương tiện phạm tội của bản án sơ thẩm là 04 con tàu kể trên để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Cao Đức Trí D, Nguyễn Văn H, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T, Võ Văn S, Hồ Văn H, Phạm Duy Kh, Nguyễn Ngọc L, Phan Thị Diễm H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Lưu: HS; VP; (HKN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

CÁC THẨM PHÁN

Lê Văn An **Trần Thị Thu Thủy**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh